TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC YÊN
TỈNH YÊN BÁI

Bản án số: 11/2025/HNGĐ- ST
Ngày 19-3-2025
V/v tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp về nuôi con

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC YÊN- TỈNH YÊN BÁI
Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Văn Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Lê Thị Hương
- Ông Triệu Văn Huấn

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Hoàng Ngọc Triều- Thư ký Toà án nhân dân huyện L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Cẩm Tú- Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lục Yên mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 20/2025/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2025 về việc không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 04-3-2025 giữa;

Nguyên đơn: Chị Lê Thị P, sinh năm 1979- Có đơn xin xét xử vắng mặt

Địa chỉ: Thôn Q, xã T, huyện L, tỉnh Y

Bị đơn: Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1979- Có đơn xin xét xử vắng mặt

Địa chỉ: Thôn Q, xã T, huyện L, tỉnh Y

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18-02-2025 và biên bản ghi lời khai ngày 25-02-2025 nguyên đơn chị Lê Thị P trình bày: Chị P và anh Hoàng Văn T có quan hệ chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2001. Do trình độ hiểu biết pháp luật còn hạn chế nên không đến Ủy ban nhân dân xã T, huyện L làm thủ tục đăng ký kết hôn. Vì vậy đến nay chị P và anh T không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Chị P và anh T đã hòa giải tại gia đình nhưng không được. Chị P đã sống ly thân anh T từ tháng 7 năm 2023. Nay chị P xác định tình cảm không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Chị P và anh T có hai con chung tên là Hoàng Thị S, sinh ngày 20-11-2002 và Hoàng Thị Thu N, sinh ngày 16-10-2009. Cháu Hoàng Thị S trên 18 tuổi trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết; cháu Hoàng Thị N hiện nay đang sống cùng anh T, chị P nhất trí để anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu N, chị có trách nhiệm cấp dưỡng cháu N 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi

Về tài sản chung và nợ chung: Chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghj lời khai ngày 25-02-2025 bị đơn anh Hoàng Văn T trình bày: Anh T và chị Lê Thị P có quan hệ chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2001. Do trình độ hiểu biết pháp luật còn hạn chế nên anh chị không đến Ủy ban nhân dân xã T, huyện L làm thủ tục đăng ký kết hôn. Vì vậy đến nay anh chị không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. anh T và chị P đã hòa giải tại gia đình nhưng không được. Anh T đã sống ly thân chị P từ tháng 7 năm 2023. Nay anh T xác định tình cảm không còn chị P xin ly hôn anh đồng ý.

Về con chung: Anh T và chị P có hai con chung tên là Hoàng Thị S, sinh ngày 20-11-2002 và Hoàng Thị Thu N, sinh ngày 16-10-2009. Cháu Hoàng Thị S trên 18 tuổi trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết; cháu Hoàng Thị Thu N hiện nay đang sống cùng anh T và anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu N, yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi cháu N 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tại phiên tòa hôm nay phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật Thẩm phán thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về việc xét xử vụ án. Nguyên đơn và bị đơn đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 9, 14, 53 Điều 81, 82, 83 luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Tuyên không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị P và anh T: giao cho anh T được trực tiếp nuôi cháu N; chị P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng; chị P phải chịu án phí sơ thẩm 300.000 đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con 150.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của Tòa án huyện L là đúng thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Lê Thị P và anh Hoàng Văn T có quan hệ chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2001, nhưng không có đăng ký kết hôn. Chị P có yêu cầu xin ly hôn anh T, cần căn cứ vào các quy định của luật Hôn nhân và gia đình để xem xét mối quan hệ giữa hai người, xét thấy: Việc chị P và anh T có quan hệ chung sống với nhau không đăng ký kết hôn là vi phạm khoản 1 Điều 14 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Theo quy định khoản 2 Điều 53 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: "Trong trường hợp không có đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của luật này;.....". Như vậy yêu cầu này của chị P có căn cứ được chấp nhận.

[3] *Về con chung*: Chị P và anh T có hai con chung tên là Hoàng Thị S, sinh ngày 20-11-2002 và HoàngThị Thu N, sinh ngày 16-10-2009. Cháu sở trên 18 tuổi đã trưởng thành chị P và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại phiên tòa chị P và anh T vắng mặt, nhưng chị P và anh T đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên hòa giải ngày 04-3-2025 chị P và anh T thỏa thuận: Anh T được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N, chị P có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu N 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Xét thấy: Sự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội cần áp dụng các Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 212 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận này.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị P và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét

[5] *Về án phí*:

- Đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc không công nhận quan hệ vợ chồng. Theo quy định định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án thì nguyên đơn chị P phải chịu 300.000 đồng án phí;

- Chị P và anh T thỏa thuận được về phương thức cấp dưỡng và mức cấp dưỡng nuôi con trước khi Tòa án mở phiên tòa. Theo quy định tại điểm b khoản điểm 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chị P là người có nghĩa vụ cấp dưỡng nên chị P phải chịu 50% mức án phí không có giá nghạch (150.000 đồng).

[6] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

[7] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào Điều 9, khoản 1 Điều 14, Khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 147, 212,271, 273, 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a Khoản 5, Điểm b, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị P

1- Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Chị Lê Thị P và anh Hoàng Văn T.

2- *Về con chung:* Anh Hoàng Văn T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hoàng Thị Thu N, sinh ngày 16-10-2009 cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi; chị P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu N 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng)/tháng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi, kể từ tháng 4 năm 2025 hoặc có sự thay đổi.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm con không ai được cản trở.

3- Về án phí: Chị Lê Thị P phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) chị P đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số: AA/2023/0001981 ngày 19-02-2025 tại chi cục Thi hành án dân sự huyện L. Chị P còn phải nộp 150.000 đồng.

4- Quyền kháng cáo: Chị Lê Thị P, anh Hoàng Văn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TA Tỉnh Yên Bái;
- VKS Lục Yên;
- CCTHA Lục Yên;
- UBND xã Tô Mậu;
- Các đương sự (02);
- Lưu HS. TA

Hoàng Văn Anh